

Bản án số: 367/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 4 - 2021

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Mai Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân là Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1458/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 61/4/3 đường A, Phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Đào Thị Bích V, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 226/65/9D đường B, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông M có mặt, bà V có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2020, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông và bà Đào Thị Bích V quen nhau năm 1993 cho đến năm 1994 thì tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 05/11/1994. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà V có mâu thuẫn với mẹ chồng. Cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng với bà V không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà V để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Đào Như Y, sinh năm 1996 và Nguyễn Đào Đăng K, sinh năm 1999 (Hai con đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2021, bà Đào Thị Bích V trình bày:

Bà và Ông M kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Hiện nay bà không còn tình cảm với Ông M nên Ông M ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Đào Như Y, sinh năm 1996 và Nguyễn Đào Đăng K, sinh năm 1999 (Hai con đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Mặc dù Ông M và bà V thuận tình ly hôn, thỏa thuận được về vấn đề nuôi con nhưng bà V có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử nên Tòa án không công nhận thỏa thuận của các đương sự được nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ông Nguyễn Văn M yêu cầu ly hôn với bà Đào Thị Bích V nên quan hệ giải quyết trong vụ án giữa Ông M và bà V là tranh chấp ly hôn, bà V hiện đang cư ngụ tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, bà Đào Thị Bích V có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V.

[3] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn M và bà Đào Thị Bích V là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 05/11/1994 của Ủy ban nhân dân Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Ông Mtrình bày giữa ông và bà V mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà V có mâu thuẫn với mẹ chồng nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Ông và bà V đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên ông yêu cầu ly hôn với bà V để ổn định cuộc sống riêng.

Bà V trình bày giữa bà và Ông M bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, bà không còn tình cảm với Ông M nên Ông M yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa Ông M và bà V là có thật, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông M theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Đào Như Y, sinh năm 1996 và Nguyễn Đào Đăng K, sinh năm 1999 (Hai con đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hành án dân sự 2008, sửa đổi bổ sung 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với bà Đào Thị Bích V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 05/11/1994 của Ủy ban nhân dân Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Văn M và bà Đào Thị Bích V không còn hiệu lực.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Đào Như Y, sinh năm 1996 và Nguyễn Đào Đăng K, sinh năm 1999 (Hai con đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0027369 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn M có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đào Thị Bích V vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND Phường 1, quận G;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Loan